

Số: 106/2022/QĐST-DS

A, ngày 08 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thế T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Đường T1, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Đường T2, tổ 5 khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị Lệ H1, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Đường T1, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Đường T2, tổ 5 khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn H – bà Huỳnh Thị L còn nợ vợ chồng ông Phạm Thế T – bà Đỗ Thị Lệ H1 88.929.000 đồng tiền mua vật liệu xây

dựng và 11.071.000 đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tổng cộng nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2.2 Vợ chồng ông H – bà L có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông T – bà H1 số tiền trên, thời hạn cụ thể như sau:

- Ngày 30/8/2022 trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);
- Ngày 30/9/2022 trả 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);
- Ngày 30/10/2022 trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

Nếu đến hạn thanh toán như thỏa thuận mà vợ chồng ông H – bà L không trả tiền hoặc trả không đủ tiền thì phải trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ tại thời điểm vi phạm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hoặc kể từ ngày ra quyết định thi hành án chủ động, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả tiền lãi 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Thế T 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005311 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kiều Oanh